

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định việc xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm và Quyết định số 554/QĐ-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định việc xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Thông báo số 4272/TB-STC ngày 19/7/2024 của Sở Tài chính Hà Nội về việc Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Hà Nội; Mã chương: 402; Loại 340-341 (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: **Hy**

- Như điều 3;
- Thường trực HĐND (để b/cáo);
- Đ/c Phó Trưởng Đoàn chuyên trách;
- Các Ban HĐND TP;
- Sở Tài chính HN;
- CVP, các đ/c PCVP;
- Các Phòng: TTDN, HCTCQT;
- Lưu VT, KT **DQH02**



CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Ngọc Việt

Đơn vị: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Hà Nội
Chương: 402



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ-VP ngày 31/7/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	57.301.868.035	57.301.868.035	9.694.650.207	1.064.996.740	2.154.640.655
1	Chi quản lý hành chính	57.301.868.035	57.301.868.035	9.694.650.207	1.064.996.740	2.154.640.655
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	18.167.000.000	18.167.000.000	9.093.873.607	65.490.130	2.154.640.655
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	39.134.868.035	39.134.868.035	600.776.600	999.506.610	